



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited



SVC SVC SVC SVC SVC S
/C SVC SVC SVC SVC SVC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

*Cho năm tài chính kết thúc
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025*



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025	7 - 8
4. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025	11 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025.

1. **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001128655 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 8 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài Chính tỉnh Cà Mau cấp.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UpCom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 573/QĐ – SGDHN ngày 21/10/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CAM. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 08/11/2021.

Ngày 10/12/2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 8376/UBCK-GSĐC về việc dừng xem xét hồ sơ đăng ký công ty đại chúng do vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là dưới 30 tỷ đồng và số lượng nhà đầu tư không phải cổ đông lớn của Công ty nắm giữ dưới 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết nên không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 13.107.000.000 VND.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2025 là 13.107.000.000 VND.

2. **Cấu trúc Công ty**

Trụ sở của Công ty đặt tại số 202 Đường Quang Trung, Khóm 26, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

3. **Ngành nghề kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng và chăm sóc cây xanh, công viên, vườn hoa;
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Bán thùng rác công cộng và vật tư ngành môi trường;
- Thiết kế, giám sát các công trình công cộng, cây xanh, công viên, hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường;
- Dịch vụ hỏa táng (đăng ký bổ sung tháng 5/2024).

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

1750
NHÀ
TY T
TOÀ
VIỆ
TP.C

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2025 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Dương Thành Nghĩa	Chủ tịch	27/12/2019	
Ông Lưu Minh Hưng	Thành viên	27/12/2019	
Ông Trần Lâm Nhã	Thành viên	27/12/2019	

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019 - 2024 được tiếp tục điều hành cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản lý công việc theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3833/VP-KT ngày 26/12/2024 và Điều lệ Công ty;

Theo Biên bản số 08/BB.HĐQT.2025 ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị thống nhất thông báo trường hợp miễn nhiệm đương nhiên thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Quốc Tuấn theo đơn xin thôi việc và sau khi có Quyết định cho thôi việc do không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Ban kiểm soát

Ngày 27/12/2019, Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu, bầu Ban kiểm soát cho Công ty nhiệm kỳ I. Ngày 31/12/2024 Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ 5 năm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong năm 2025, Công ty chưa đủ điều kiện bầu lại Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ tiếp theo theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, cơ quan đại diện vốn chủ sở hữu.

6. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đương nhiệm trong năm 2025 bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lưu Minh Hưng	Giám đốc	28/12/2020	
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Giám đốc	29/04/2021	
Ông Lý Kim Nguyên	Kế toán trưởng	01/01/2025	

Đến ngày 28/12/2025, ông Lưu Minh Hưng đã kết thúc nhiệm kỳ giữ chức vụ Giám đốc 5 năm. Tại ngày 31/12/2025 và cho đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, Công ty chưa bổ nhiệm chức danh Giám đốc.

Ngày 08/01/2025, Giám đốc Công ty đã ký Quyết định số 02/QĐ-MTĐT về việc cho người lao động thôi việc đối với Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Ngày 31/12/2024, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã ký Quyết định số 128/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Lý Kim Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm 2025 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Dương Thành Nghĩa	Chủ tịch HĐQT

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày và chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, tại thời điểm ký phát hành Báo cáo tài chính, Công ty chưa bổ nhiệm chức danh Giám đốc nên Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của Công ty sẽ ký Báo cáo tài chính năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 29.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

11. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

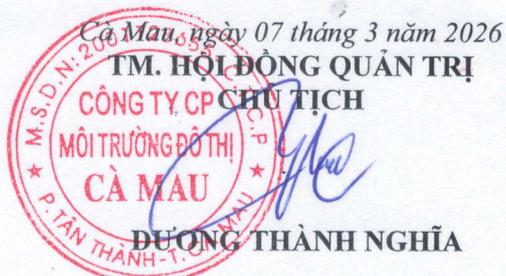
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

12. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.





Số: 42.25.25/2026/BCKT/SV – CNI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Các cổ đông
Công Ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau (“Công ty”) được lập ngày 07 tháng 3 năm 2026 từ trang 6 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CN TP.HCM :

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh,
TP.Hồ Chí Minh
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CN CẦN THƠ:

F66, Đường Lê Trọng Tấn, Khu vực 2, P.Hưng Thạnh,
Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999
Email : svc-ct@vnn.vn

VĂN PHÒNG CN BÌNH DƯƠNG:

117 Trần Phú, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Tel: 0942 227 772
Email : cnsaovietbinhduong@gmail.com



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thiên Nga

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462 -2023-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 07 tháng 3 năm 2026

nam

Lê Thị Hồng Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3578-2025-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.473.841.996	19.561.097.966
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>9.477.720.757</i>	<i>12.897.668.016</i>
1. Tiền	111		9.477.720.757	12.897.668.016
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>9.513.905.996</i>	<i>3.446.873.010</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.865.251.796	1.224.267.462
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	44.782.160	26.313.120
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.603.872.040	2.196.292.428
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.6</i>	<i>5.371.654.042</i>	<i>3.203.526.291</i>
1. Hàng tồn kho	141		5.371.654.042	3.203.526.291
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>110.561.201</i>	<i>13.030.649</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	110.561.201	13.030.649
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.14	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.724.759.747	4.546.178.689
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>1.764.272.296</i>	<i>299.859.882</i>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	V.8	937.266.834	915.727.921
4. Phải thu dài hạn khác	218		1.640.298.361	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.9	(813.292.899)	(615.868.039)
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>2.717.608.748</i>	<i>4.126.873.387</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.717.608.748	4.126.873.387
- Nguyên giá	222		25.375.521.410	25.375.521.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.657.912.662)	(21.248.648.023)
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>	<i>V.11</i>	<i>1.242.878.703</i>	<i>-</i>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.242.878.703	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>-</i>	<i>119.445.420</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	-	119.445.420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		30.198.601.743	24.107.276.655

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

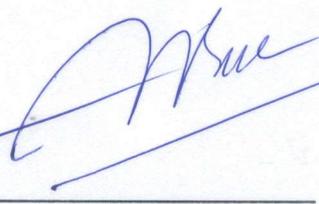
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.091.601.743	11.000.276.655
I. Nợ ngắn hạn	310		17.091.601.743	11.000.276.655
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	32.812.000	32.162.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	301.648.657	287.141.183
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	887.684.468	598.415.369
4. Phải trả người lao động	314	V.15	5.107.421.965	4.611.513.572
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		65.010.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.022.801.608	832.632.875
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	8.674.223.045	4.638.411.656
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.107.000.000	13.107.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	13.107.000.000	13.107.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.107.000.000	13.107.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		30.198.601.743	24.107.276.655



Mạc Như Loan
Người lập



Lý Kim Nguyên
Kế toán trưởng



Dương Thành Nghĩa
Chủ tịch HĐQT

Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

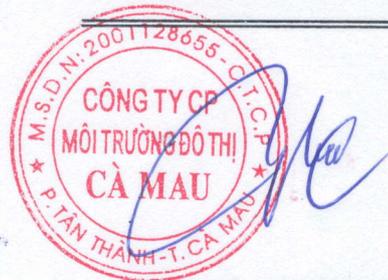
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		43.875.554.887	41.053.236.304
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	43.875.554.887	41.053.236.304
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	24.377.910.164	29.418.209.103
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	19.497.644.723	11.635.027.201
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	30.126.289	13.049.908
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.3	1.589.729.022	1.305.267.885
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	9.050.345.499	7.468.171.719
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.887.696.491	2.874.637.505
11. Thu nhập khác	31	VI.5	43.738.949	190.582.405
12. Chi phí khác	32	VI.6	34.378.912	3.980.859
13. Lợi nhuận khác	40		9.360.037	186.601.546
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.897.056.528	3.061.239.051
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.14	1.523.693.110	612.343.982
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.18	7.373.363.418	2.448.895.069
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.406	561



Mạc Như Loan
Người lập



Lý Kim Nguyên
Kế toán trưởng



Dương Thành Nghĩa
Chủ tịch HĐQT
Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2026

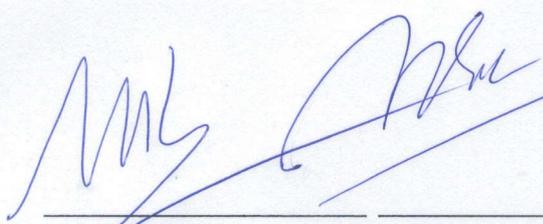
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	40.919.372.298	45.856.745.836
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(11.814.044.072)	(11.063.549.350)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.428.629.680)	(19.551.288.562)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.232.307.323)	(621.159.854)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.747.193.575	4.814.731.174
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.665.646.932)	(13.560.949.089)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.474.062.134)	5.874.530.155
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.242.878.703)	(2.897.890)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	159.911.111
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.241.094	12.147.521
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.219.637.609)	169.160.742
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(726.247.516)	(692.144.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(726.247.516)	(692.144.962)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.419.947.259)	5.351.545.935
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.897.668.016	7.546.122.081
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.477.720.757	12.897.668.016



Mạc Như Loan
Người lập

Lý Kim Nguyên
Kế toán trưởng




Dương Thành Nghĩa
Chủ tịch HĐQT
Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001128655 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 8 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài Chính tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 13.107.000.000 VND, tương ứng 1.310.700 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2025 như sau:

Cổ đông	Số lượng CP	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	1.204.100	12.041.000.000	91,87%
- Các cổ đông khác	106.600	1.066.000.000	8,13%
Cộng	1.310.700	13.107.000.000	100,00%

Theo Báo cáo số 0482/BC-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về Kết quả thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau, số cổ phần bán được theo kết quả đấu giá chuyển nhượng vốn nhà nước lần thứ nhất là 200 cổ phần, số cổ phần chưa bán hết là 535.643 cổ phần, tỉ lệ cổ phần Nhà nước sở hữu còn lại chiếm 91,87% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UpCom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 573/QĐ – SGDHN ngày 21/10/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CAM. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 08/11/2021.

Ngày 10/12/2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 8376/UBCK-GSĐC về việc dừng xem xét hồ sơ đăng ký công ty đại chúng do vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là dưới 30 tỷ đồng và số lượng nhà đầu tư không phải cổ đông lớn của Công ty nắm giữ dưới 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết nên không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng và chăm sóc cây xanh, công viên, vườn hoa;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Bán thùng rác công cộng và vật tư ngành môi trường;
- Thiết kế, giám sát các công trình công cộng, cây xanh, công viên, hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường;
- Dịch vụ hỏa táng (đăng ký bổ sung tháng 5/2025).

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở của Công ty đặt tại số 202 Đường Quang Trung, Khóm 26, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 174 người.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 183 người.

8. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 10 năm

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

9. Chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương tính vào chi phí theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025; Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính Phủ và Thông tư số 03/2025-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội Vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong Doanh nghiệp Nhà nước.

10. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ tại điều lệ của Công ty và Biên bản Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua. Cổ tức năm 2025 sẽ thực hiện chi trả cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	71.777.276	30.242.013
Tiền gửi ngân hàng	9.405.943.481	12.867.426.003
Cộng	9.477.720.757	12.897.668.016

1.1. Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- NH TMCP Công thương VN, CN Cà Mau	9.405.943.481	12.867.426.003
Cộng	9.405.943.481	12.867.426.003



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Nợ xấu	Số đầu năm	Nợ xấu
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	6.865.251.796	-	1.224.267.462	-
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Cà Mau	251.391.000	-	243.047.127	-
- Phòng Tài nguyên & Môi trường H.U Minh	152.500.927	-	152.500.927	-
- Phải thu Phòng TN & MT TP. Cà Mau	-	-	391.834.607	-
- Ủy Ban Nhân Dân Phường Tân Thành	2.540.272.000	-	-	-
- Ủy Ban Nhân Dân Phường An Xuyên	3.793.402.995	-	-	-
- Phải thu khách hàng sử dụng DVVS nội ô Cà Mau	30.471.215	-	158.945.542	-
- Các khách hàng khác	97.213.659	-	277.939.259	-
Cộng	6.865.251.796	-	1.224.267.462	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Nợ xấu	Số đầu năm	Nợ xấu
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	44.782.160	-	26.313.120	-
- Các nhà cung cấp khác	44.782.160	-	26.313.120	-
Cộng	44.782.160	-	26.313.120	-

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Nợ xấu	Số đầu năm	Nợ xấu
Dự nợ 138 – Phải thu khác	29.607.120	-	11.307.120	-
Bên liên quan	-	-	-	-
Dự nợ 141 – Tạm ứng	66.000.000	-	51.000.000	-
Dự nợ 244 – Ký quỹ	1.910.819.640	-	1.917.234.166	-
- Ký quỹ tại Vietinbank	1.910.819.640	-	1.912.657.569	-
- Ký quỹ khác	-	-	4.576.597	-
Dự nợ 3388 – Các khoản phải thu khác	597.445.280	-	216.751.142	-
- Các khoản phải thu người lao động	192.411.071	-	126.529.305	-
- Các khoản phải thu khác	405.034.209	-	90.221.837	-
Cộng	2.603.872.040	-	2.196.292.428	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	(100.906.144)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Kết chuyển sang dự phòng nợ dài hạn	-	100.906.144
Số cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	- 5.1	84.104.850
Công cụ, dụng cụ trong kho	-	79.083.189
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.337.811.813 5.2	3.004.302.102
Hàng hóa tồn kho	33.842.229 5.3	36.036.150
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.371.654.042	3.203.526.291
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	5.371.654.042	3.203.526.291

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có.
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

5.1. Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu	-	76.233.184
- Nhiên liệu	-	7.871.666
Cộng	-	84.104.850

5.2. Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí vệ sinh đô thị chưa quyết toán	5.337.811.813	3.004.302.102
Cộng	5.337.811.813	3.004.302.102

5.3. Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thùng rác các loại và các hàng hóa khác	33.842.229	36.036.150
Cộng	33.842.229	36.036.150

6. Chi phí trả trước

6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	10.229.548	-
Chi phí bảo hộ lao động chờ phân bổ	34.598.311	13.030.649
Chi phí dịch vụ hóa đơn điện tử	65.733.342	-
Cộng	110.561.201	13.030.649

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	20.681.706
Chi phí dịch vụ hóa đơn điện tử	-	85.800.000
Chi phí sửa chữa tài sản	-	12.963.714
Cộng	-	119.445.420

7. Phải thu dài hạn khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Nợ xấu	Số cuối năm	Nợ xấu
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	937.266.834	937.266.834	915.727.921	915.727.921
- Phải thu khách hàng sử dụng DVVS nội ô Thành phố Cà Mau	937.266.834	937.266.834	915.727.921	915.727.921
Cộng	937.266.834	937.266.834	915.727.921	915.727.921

8. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Nợ xấu	Số cuối năm	Nợ xấu
Dự nợ 244 – Ký quỹ	1.640.298.361	-	-	-
- Ký quỹ tại Vietinbank	1.626.998.640	-	-	-
- Ký quỹ khác	4.576.000	-	-	-
- Lãi ký quỹ	8.723.721	-	-	-
Cộng	1.640.298.361	-	-	-

9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2024 như sau:

Khoản mục	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
+ Phải thu NH khách hàng	915.727.921	(615.868.039)	300.041.882
Cộng	915.727.921	(615.868.039)	300.041.882

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2025 như sau:

Khoản mục	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
+ Phải thu NH khách hàng	937.266.834	(813.292.899)	123.973.935
Cộng	937.266.834	(813.292.899)	123.973.935

Nợ khó đòi nêu trên đều được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(615.868.039)	(314.044.300)
Trích lập dự phòng bổ sung	(197.424.860)	(200.917.595)
Kết chuyển từ dự phòng nợ ngắn hạn	-	(100.906.144)
Số cuối năm	(813.292.899)	(615.868.039)

50-
HÀN
Y T
DÂN
TIỆ
C.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.235.575.903	20.068.656.507	71.289.000	25.375.521.410
Số cuối năm	5.235.575.903	20.068.656.507	71.289.000	25.375.521.410
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	(3.744.379.563)	(17.432.979.460)	(71.289.000)	(21.248.648.023)
Khấu hao trong năm	(209.113.290)	(1.200.151.349)	-	(1.409.264.639)
Số cuối năm	(3.953.492.853)	(18.633.130.809)	(71.289.000)	(22.657.912.662)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.491.196.340	2.635.677.047	-	4.126.873.387
Số cuối năm	1.282.083.050	1.435.525.698	-	2.717.608.748

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: không có.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.182.132.617 VND (số đầu năm là 7.077.288.981 VND).

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí nâng cấp sửa chữa văn phòng Công ty	1.242.878.703	-
Cộng	1.242.878.703	-

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	32.812.000	32.162.000
- Các nhà cung cấp khác	32.812.000	32.162.000
Cộng	32.812.000	32.162.000

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	301.648.657	287.141.183
- Khách hàng sử dụng dịch vụ vệ sinh nội ô TP. Cà Mau	284.012.544	268.670.606
- Các khách hàng khác	17.636.113	18.470.577
Cộng	301.648.657	287.141.183

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT	-	469.354.035	2.122.171.434	(2.171.292.757)	-	420.232.712
- Thuế TNDN	-	129.061.334	1.523.693.110	(1.232.307.323)	-	420.447.121
- Thuế TNCN	-	-	129.804.118	(82.799.483)	-	47.004.635
- Thuế khác	-	-	3.000.014	(3.000.014)	-	-
Cộng	-	598.415.369	3.778.668.676	(3.489.399.577)	-	887.684.468

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2025, Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 17% và năm 2024 là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.897.056.528	3.061.239.051
± Các khoản điều chỉnh tăng	10.550.000	480.859
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	8.907.606.528	3.061.719.910
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	8.907.606.528	3.061.719.910
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	17%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.514.293.110	612.343.982
Thuế TNDN nộp bổ sung cho các năm trước	9.400.000	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	1.523.693.110	612.343.982
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo quy định.		
15. Phải trả người lao động		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	5.107.421.965	4.611.513.572
Cộng	5.107.421.965	4.611.513.572
16. Chi phí phải trả ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	65.010.000	-
- Dự chi chi phí thuê nhân công chưa có hóa đơn	65.010.000	-
Cộng	65.010.000	-
17. Phải trả ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	2.022.801.608	832.632.875
- Kinh phí công đoàn	73.340.020	-
- Cổ tức phải trả	1.873.299.845	756.206.506
- Các khoản phải trả khác	76.161.743	76.426.369
Cộng	2.022.801.608	832.632.875
18. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ khen thưởng NLĐ & BĐH	5.399.845.730	2.764.620.388
- Quỹ khen thưởng khách hàng	429.705.148	429.705.148
- Quỹ khen thưởng TVHD & KSV	221.200.903	146.933.704
- Quỹ phúc lợi	2.623.471.264	1.297.152.416
Cộng	8.674.223.045	4.638.411.656

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	13.107.000.000	-	13.107.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	2.448.895.069	2.448.895.069
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(146.933.704)	(146.933.704)
Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV	-	(1.126.491.732)	(1.126.491.732)
Trích quỹ phúc lợi	-	(440.801.112)	(440.801.112)
Chia cổ tức	-	(734.668.521)	(734.668.521)
Số dư cuối năm trước	13.107.000.000	-	13.107.000.000

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	13.107.000.000	-	13.107.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	7.373.363.418	7.373.363.418
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(221.200.903)	(221.200.903)
Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV	-	(3.760.415.343)	(3.760.415.343)
Trích quỹ phúc lợi	-	(1.548.406.318)	(1.548.406.318)
Chia cổ tức	-	(1.843.340.854)	(1.843.340.854)
Số dư cuối năm nay	13.107.000.000	-	13.107.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có.
Số lượng cổ phiếu quỹ: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	91,87	12.041.000.000	91,88	12.043.000.000
Các cổ đông khác	8,13	1.066.000.000	8,12	1.064.000.000
Cộng	100,00	13.107.000.000	100,00	13.107.000.000

(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	13.107.000.000	13.107.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	13.107.000.000	13.107.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	734.668.521	692.144.962

(c) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: 1.843.789.230.
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: 1.843.789.230.
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có.
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có.

(d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.310.700	1.310.700
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu thường	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu thường	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

1.1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm trước

	<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ lãi gộp</i>
- Doanh thu dịch vụ công ích	24.545.909.665	11.536.448.054	13.009.461.611	53,00%
- Doanh thu dịch vụ vệ sinh	15.047.087.723	16.634.169.106	(1.587.081.383)	(10,55)%
- Doanh thu rút hầm cầu	268.843.520	170.148.869	98.694.651	36,71%
- Doanh thu khác	1.191.395.396	1.077.443.074	113.952.322	9,56%
Doanh thu thuần	41.053.236.304	29.418.209.103	11.635.027.201	28,34%

1.2. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm nay

	<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ lãi gộp</i>
- Doanh thu dịch vụ công ích	26.996.350.444	8.731.972.426	18.264.378.018	67,65%
- Doanh thu dịch vụ vệ sinh	14.978.912.714	14.714.708.687	264.204.027	1,76%
- Doanh thu rút hầm cầu	248.905.024	149.932.619	98.972.405	39,76%
- Doanh thu khác	1.651.386.705	781.296.432	870.090.273	52,69%
Doanh thu thuần	43.875.554.887	24.377.910.164	19.497.644.723	44,44%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	30.126.289	13.049.908
Cộng	30.126.289	13.049.908

3. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.025.554.215	776.729.515
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.837.382	522.965.000
- Chi phí bằng tiền khác	64.337.425	5.573.370
Cộng	1.589.729.022	1.305.267.885

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.494.951.044	5.509.555.156
- Chi phí đồ dùng văn phòng	137.595.401	167.990.082
- Chi phí khấu hao TSCĐ	148.965.529	161.708.328
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	197.424.860	200.917.595
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.916.389	966.375.896
- Chi phí khác	737.492.276	458.624.662
Cộng	<u>9.050.345.499</u>	<u>7.468.171.719</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý TSCĐ	-	159.911.111
- Thu tiền khách hàng vi phạm hợp đồng	13.888.889	21.597.221
- Thu tiền cho thuê máy móc thiết bị	-	7.407.408
- Thu nhập khác	29.850.060	1.666.665
Cộng	<u>43.738.949</u>	<u>190.582.405</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phạt chậm nộp thuế	-	480.859
- Chi khác	-	3.500.000
Cộng	<u>-</u>	<u>3.980.859</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

7.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận sau thuế	7.373.363.418	2.448.895.069
- Bù đắp các khoản truy thu thuế các năm trước	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	(5.530.022.564)	(1.714.226.548)
Lợi nhuận sau thuế tính lãi CBTCP	<u>1.843.340.854</u>	<u>734.668.521</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	1.310.700	1.310.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.406</u>	<u>561</u>

7.2. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm được tính theo lợi nhuận sau thuế đã trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quy định cụ thể tỷ lệ trích lập các quỹ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	3.235.981.663	5.415.456.157
- Chi phí nhân công	23.885.946.993	23.631.034.434
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.409.264.639	1.650.095.094
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.491.854.419	610.226.708
- Chi phí bằng tiền khác	7.053.500.153	4.771.197.066
Cộng	<u>37.076.547.867</u>	<u>36.078.009.459</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập của Hội đồng quản trị	603.281.697	476.389.842
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	1.182.258.413	1.439.001.902
- Thu nhập của Ban kiểm soát	12.888.000	210.037.859
Tổng thu nhập	<u>1.798.428.110</u>	<u>2.125.429.603</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan khác</i>	<i>Quan hệ</i>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cà Mau	Cổ đông lớn

Công ty không có Công nợ với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Cà Mau. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực môi trường đô thị. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

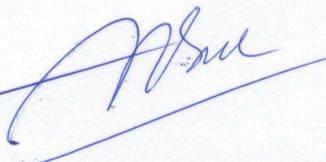
5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP


MẠC NHƯ LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG


LÝ KIM NGUYÊN

Cà Mau, ngày 07 tháng 3 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT


ĐƯƠNG THÀNH NGHĨA